

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 20 ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm C trình bày:

Chị C và anh Lê Văn T quen biết, tìm hiểu năm 2011, năm 2013 thì tự nguyện về chung sống với nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay cờ bạc, mắng chửi vợ và đập phá đồ đạc trong nhà. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị C thấy cả hai không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: hai vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2020, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh T và chị C chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì thấy không hợp nhau nên quyết định ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận thuận tình ly hôn của các bên. Con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Cẩm C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh T, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh T, chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Cẩm C thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bị đơn tại bản tự khai ngày 18/5/2020 thấy rằng: Anh T và chị C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2013. Năm 2017, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Tuy các bên không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng xét thấy, cả hai đã

không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân giữa chị C và anh T. Vì vậy, chị C yêu cầu ly hôn và anh T đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

Về con chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Đương sự khai không có đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm C.

Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm C và anh Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 11/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm C phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001851 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải